VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Công thương

Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017;

2. Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

3. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương như sau:[1]

---

[1] Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương."

Thông tư số 43/2018/TT-BCT quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương."

Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định các điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở kiểm nghiệm đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng;

b) Các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được Bộ Công Thương chỉ định;

c) Các cơ quan quản lý liên quan đến hoạt động đánh giá, chỉ định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm nghiệm kiểm chứng là việc kiểm nghiệm lại các kết quả kiểm nghiệm khi có dấu hiệu sai, khiếu nại, tranh chấp để khẳng định kết quả kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

2. Đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng là hoạt động xem xét sự phù hợp của hệ thống quản lý chất lượng và năng lực phân tích đáp ứng yêu cầu kiểm nghiệm kiểm chứng đối với các chỉ tiêu cụ thể về chất lượng, an toàn thực phẩm;

3. So sánh đối chứng là việc đánh giá chất lượng kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng với một cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng khác đã được chỉ định thử nghiệm chỉ tiêu đó hoặc đã được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc ISO/IEC 17025:2005 và đang còn thời hạn được chỉ định.

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

1. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thực hiện kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương khi có tranh chấp, khiếu nại về an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân hoặc trong trường hợp Bộ Công Thương yêu cầu bằng văn bản;

2. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng chịu trách nhiệm trước pháp luật, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan về kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng;

3. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng không tiếp nhận kiểm nghiệm kiểm chứng một trong những trường hợp sau:

a) Sản phẩm thực phẩm yêu cầu kiểm nghiệm kiểm chứng đã được cơ sở kiểm nghiệm hoặc các cơ sở kiểm nghiệm cùng hệ thống quản lý kiểm nghiệm và trả kết quả kiểm nghiệm;

b) Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng là một bên có liên quan trong tranh chấp hoặc khiếu nại cần kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thực phẩm có tranh chấp hoặc khiếu nại;

4. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng phải bảo mật kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng và các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm.

Chương II[2] *(được bãi bỏ)*

Chương III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

Điều 6. Hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

1.[3] Cơ sở kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký chỉ định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ

[2] Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

bưu chính hoặc trực tuyến (trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2.[4] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về năng lực tổ chức thực hiện kiểm chứng an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm được phân công quản lý.

3. Hồ sơ đăng ký chỉ định bao gồm:

a) Đơn đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước được thành lập theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định giao nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tài liệu, hồ sơ kỹ thuật và các quy trình phân tích liên quan đến chỉ tiêu/phép thử đăng ký chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng (tài liệu có đóng dấu giáp lai của cơ sở kiểm nghiệm đăng ký chỉ định).

đ) Hồ sơ năng lực:

- Danh sách, hồ sơ trang thiết bị chính, cơ sở hạ tầng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

- Mẫu Phiếu kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

- Kết quả hoạt động kiểm nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định trong mười hai (12) tháng gần nhất theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành theo Thông tư này.

e) Đối với cơ sở kiểm nghiệm đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng đã được tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia ký thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế (ILAC - International Laboratory Accreditation Cooperation), Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Châu Á - Thái Bình Dương (APLAC - Asian Pacific Laboratory Accreditation Cooperation) đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005, đăng ký chỉ định các chỉ tiêu/phép thử trong phạm vi đã được công nhận phải nộp các tài liệu nêu tại Điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều này; bản sao (có chứng thực) chứng chỉ công nhận, danh mục, phạm vi công nhận.

Điều 7. Thủ tục chỉ định

1. Trong thời gian mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[5] tiến hành soát xét hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải có văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ để hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.

2. Đối với cơ sở đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng không thuộc đối tượng quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 6 Thông tư này:

a) Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[6] ra quyết định thành lập đoàn đánh giá điều kiện và năng lực của cơ sở đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng. Quyết định thành lập đoàn đánh giá phải nêu rõ phạm vi, nội dung đánh giá, danh sách và phân công trách nhiệm của từng thành viên tiến hành đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng;

b) Đoàn đánh giá cơ sở đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng gồm các thành viên có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực an toàn thực phẩm, phân tích, kiểm nghiệm và kinh nghiệm đánh giá cơ sở kiểm nghiệm;

c) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì tiến hành đánh giá theo quy định tại Điều 8. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đánh giá tại cơ sở, đoàn đánh giá phải gửi kết luận về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[7] theo Mẫu biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này);

---

[5] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[6] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[7] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

d) Trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết luận đạt yêu cầu của đoàn đánh giá Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[8] có trách nhiệm xem xét và ra Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng (mẫu Quyết định chỉ định quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp không đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[9] phải có thông báo bằng văn bản về lý do không chỉ định cho cơ sở đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng;

đ) Trong trường hợp có kiến nghị của cơ sở kiểm nghiệm đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về kết luận của đoàn đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[10] có thể thành lập hội đồng tư vấn để xem xét về kết luận của đoàn đánh giá trước khi ký Quyết định chỉ định;

e) Trường hợp gia hạn chỉ định: Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[11] thẩm định hồ sơ. Trong thời gian ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[12] ra quyết định gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng. Trường hợp không đủ hồ sơ, hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[13] phải có thông báo bằng văn bản;

g) Trường hợp thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định: Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[14] thẩm định hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[15] tiến hành thủ tục chỉ định theo quy định tại Khoản 1, Điểm a, b, c, d, đ Khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

---

[8] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[9] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[10] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[11] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[12] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[13] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[14] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Đối với cơ sở đăng ký kiểm nghiệm kiểm chứng quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 6 Thông tư này:

a) Trong thời gian ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[16] sẽ thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ năng lực đáp ứng theo Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP[17] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[18] ra Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng kèm theo danh mục các chỉ tiêu/phép thử.

Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[19] phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

b) Trong trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ chưa đủ cơ sở kết luận năng lực phân tích, kiểm nghiệm kiểm chứng của cơ sở đáp ứng theo Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP[20], Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[21] sẽ thành lập đoàn đánh giá để tiến hành đánh giá năng lực kiểm nghiệm tại cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

c) Trường hợp gia hạn chỉ định: Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[22] thẩm định

---

[15] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[16] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[17] Cụm từ "quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này" được thay thế bởi thành "Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

[18] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[19] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[20] Cụm từ "quy định tại Điều 5" được thay thế bởi cụm từ "Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

[21] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[22] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

hồ sơ. Trong thời gian ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[23] ra quyết định gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng. Trường hợp không đủ hồ sơ, hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[24] thông báo bằng văn bản cho cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng đăng ký gia hạn chỉ định;

d) Trường hợp thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định: Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[25] thẩm định hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[26] tiến hành thủ tục chỉ định theo quy định tại Khoản 1, Điểm a, b, Khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định là ba (03) năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 8. Đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

Các bước tiến hành đánh giá như sau:

1.[27] Đánh giá sự tuân thủ, phù hợp của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng đối với yêu cầu quy định tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP;

2. Lập Báo cáo đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

3.[28] Kết luận của đoàn đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp cần khắc phục để đáp ứng đầy đủ quy định tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[29] sẽ xem xét giao Đoàn đánh giá thực tế tổ chức đánh giá lại tại cơ sở.

---

[23] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[24] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[25] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[26] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

[29] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 9. Cấp mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[30] có trách nhiệm cấp và quản lý mã số cho các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được chỉ định để theo dõi quá trình hoạt động và định kỳ đánh giá lại, đánh giá mở rộng.

2. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng sẽ nhận được mã số trong quyết định chỉ định lần đầu, mã số này sẽ duy trì trong suốt thời gian có hiệu lực của quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

3. Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được ký hiệu như sau:

(số thứ tự)/(năm cấp)/BCT-KNKCTP

Ví dụ: 001/2014/BCT-KNKCTP

4. Cách ghi mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

a) Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ Times New Roman cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm. Trong đó, số thứ tự của mã số cơ sở kiểm nghiệm gồm ba (03) chữ số.

b) Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được in ở góc trên bên trái phiếu kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng. Trên phiếu kết quả kiểm chứng cần ghi rõ các chỉ tiêu đã được chỉ định của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

Trước khi Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng hết hiệu lực sáu mươi (60) ngày, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng gửi một (01) bộ hồ sơ xin gia hạn chỉ định cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[31]. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Kết quả so sánh liên phòng, thử nghiệm thành thạo đối với chỉ tiêu/phép thử đăng ký chỉ định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc từ các nhà cung cấp thử nghiệm thành thạo tổ chức, kết quả này phải còn giá trị trong 03 năm (bao gồm cả thời gian xin gia hạn);

---

[30] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[31] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm nghiệm kiểm chứng trong thời gian được chỉ định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng

1. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng đã được chỉ định khi có thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định phải thực hiện việc đăng ký thay đổi, bổ sung gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[32].

2. Hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm nghiệm kiểm chứng trong thời gian được chỉ định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước còn hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tài liệu, hồ sơ kỹ thuật và các quy trình phân tích liên quan đến chỉ tiêu/phép thử đăng ký chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng (tài liệu có đóng dấu giáp lai của cơ sở kiểm nghiệm đăng ký chỉ định);

đ) Danh sách, hồ sơ trang thiết bị chính, cơ sở hạ tầng đáp ứng được yêu cầu thay đổi, bổ sung (phù hợp nội dung báo cáo năng lực hoạt động cơ sở kiểm nghiệm theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

Chương IV[33] *(được bãi bỏ)*

Chương V[34] *(được bãi bỏ)*

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[35]

[32] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[33] Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

[34] Chương này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

[35] Điều 20 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 quy định như sau:

"Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

2. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp***

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu, cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm, kiểm chứng đã được Bộ Công Thương chỉ định trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận hoặc Quyết định chỉ định.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Bãi bỏ các Thông tư: Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương; Chương II, chương IV, chương V Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 28/2013/TT-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm với thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

a) Vụ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Thông tư này;

Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm quy định tại điểm a, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đăng ký, tổ chức đánh giá và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định giao hoặc chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Vụ Thị trường trong nước

Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, trình Lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công, phân cấp cho cơ quan có thẩm quyền ở địa phương tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này theo tình hình thực tế tại địa phương;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này; danh sách các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; báo cáo kết quả thu hồi và xử lý sản phẩm sau thu hồi theo quyết định thu hồi bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về Bộ Công Thương để hướng dẫn giải quyết./."

Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm đ khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ "Vụ Khoa học và công nghệ" tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ "Sở Công Thương" tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

đ) Cụm từ "theo đường bưu điện" trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương."

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Điều 20. Tổ chức thực hiện[36]

Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, tổ chức, cá nhân cần kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 53/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

[36] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC I

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …../……

……, ngày .... tháng .... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH/GIA HẠN CHỈ ĐỊNH/THAY ĐỔI, BỔ SUNG CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[37]

1. Tên cơ sở đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Hình thức đề nghị:

Đăng ký lần đầu □ Đăng ký thay đổi, bổ sung □ Đăng ký gia hạn □

4. Phạm vi đề nghị chỉ định

TT	Lĩnh vực	Tên phép thử	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Chú ý: ghi (*) đối với phép thử đã được công nhận và tại cột (6) ghi tên cơ quan công nhận tương ứng.

5. Thời gian đề nghị bắt đầu đánh giá: *ngày.... tháng....năm... (áp dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 7 Thông tư này)*

[37] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ quy định tại Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương.

Thủ trưởng đơn vị	**Phụ trách cơ sở**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …../……	*……, ngày …. tháng …. năm …*

BÁO CÁO
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Cán bộ, nhân viên của cơ sở:

TT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo hệ thống quản lý	Công việc được giao hiện tại	Thâm niên trong lĩnh vực kiểm nghiệm kiểm chứng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

4. Trang thiết bị

4.1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn

TT	Tên phương tiện đo lường	Phạm vi đo, cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ngày kiểm định, hiệu chuẩn lần cuối	Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

4.2. Trang thiết bị khác

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5

5. Diện tích và môi trường của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

5.1. Sơ đồ mặt bằng và diện tích của từng bộ phận của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

5.2. Điều kiện môi trường các bộ phận của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng

- Điều hòa nhiệt độ;

- Khả năng thông khí và thoát hơi độc;

- Các điều kiện bảo đảm khác (chống rung, bụi, ồn, ánh sáng, phóng xạ...).

5.3. Các điều kiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ và nhân viên của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

6. Danh mục các lĩnh vực và phép thử cơ sở kiểm nghiệm đề nghị chỉ định

STT	Lĩnh vực	Tên phép thử	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)	Công suất kiểm nghiệm (số mẫu /năm)	Kết quả thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng
1	2	3	4	5	6	7

Ghi chú: cột (7) ghi rõ tên chương trình, chỉ tiêu và nền mẫu tham gia, kết quả.

7. Kết quả hoạt động cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thực hiện 03 (ba) năm gần nhất

STT	Lĩnh vực	Tên phép thử	Phương pháp thử	Tổng số mẫu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

8. Danh sách, hồ sơ kiểm nghiệm viên tương ứng với lĩnh vực đăng ký chỉ định kèm theo bản sao có chứng thực các chứng chỉ chuyên môn;

9. Các tài liệu chứng minh về bảo đảm chất lượng kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng: kế hoạch, kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng; Báo cáo kết quả kiểm tra tay nghề của kiểm nghiệm viên đối với chỉ tiêu/phép thử đăng ký chỉ định;

10. Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng cam kết

- Thực hiện Quyết định chỉ định và quản lý hoạt động cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng;

- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

Thủ trưởng đơn vị	**Phụ trách cơ sở**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC III

MẪU PHIẾU KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …../……	*……, ngày …. tháng …. năm …*

PHIẾU KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: *(Ghi tên của mẫu kiểm nghiệm kiểm chứng)*

2. Mã số mẫu:

3. Mô tả mẫu: *(tình trạng mẫu khi nhận, khối lượng mẫu, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tình trạng lưu mẫu)*

4. Thời gian lưu mẫu:

5. Ngày lấy mẫu/nhận mẫu:

6. Ngày trả kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng:

7. Thời gian kiểm nghiệm kiểm chứng:

8. Tên tổ chức/cá nhân gửi mẫu kiểm nghiệm kiểm chứng:

9. Tài liệu kèm theo: *(ghi rõ nội dung, số, ngày, tháng năm của công văn hay giấy tờ kèm theo)*

10. Kết quả kiểm nghiệm kiểm chứng (các chỉ tiêu đã được chỉ định của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng):

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm kiểm chứng	Phương pháp kiểm nghiệm kiểm chứng	Đơn vị	Kết quả	So với QCVN.../ TCVN.../QĐ...
1					
2					
…	……	……	…..	…….	……

11. Kết luận:

(Ghi cụ thể mẫu có đạt yêu cầu hay không)

12. Ghi chú: *(nếu có)*

Thủ trưởng đơn vị *(Ký tên và đóng dấu)*	*…, ngày …. tháng …. năm ….* **Phụ trách cơ sở** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CƠ SỞ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …../……	*……, ngày …. tháng …. năm …*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

1. Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Kết quả nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ tham gia kiểm nghiệm kiểm chứng trong 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm ....

TT	Họ và tên	Chức vụ	Khóa đào tạo tham gia	Thời gian	Kết quả đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

4. Trang thiết bị

4.1. Trang thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn trong 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm …

TT	Tên phương tiện đo lường	Phạm vi đo, cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ngày kiểm định, hiệu chuẩn lần cuối	Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

4.2. Trang thiết bị mới được bổ sung trong 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm …

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5

5. Lĩnh vực và phép thử cơ sở kiểm nghiệm thực hiện trong 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm ….

STT	Lĩnh vực	Tên phép thử	Phương pháp thử	Công suất kiểm nghiệm kiểm chứng (tổng số mẫu/ 6 tháng (hoặc 12 tháng))	Giới hạn phát hiện (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

6. Kết quả tham gia thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng thực hiện 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm .....:

STT	Tên phép thử	Phương pháp thử	Nền mẫu	Đơn vị tổ chức	Thời gian tham gia	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7

7. Kết quả hoạt động cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thực hiện 6 tháng (hoặc 12 tháng) năm

STT	Lĩnh vực	Loại thực phẩm	Tên phép thử	Phương pháp thử	Tổng số mẫu	Số mẫu không đạt yêu cầu
1	2	3	4	5	6	7

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ trách cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03[38]

MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG
(Thay thế cho Phụ lục V Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

Phụ lục V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm ...

BIÊN BẢN
ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

Đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng …… được thành lập theo Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, gồm:

(Họ, tên trưởng đoàn đánh giá, thư ký, các thành viên)

1. Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Kết luận của Trưởng đoàn đánh giá

2.1. Các điểm phù hợp:

2.2. Các điểm không phù hợp:

TT	Các điểm không phù hợp	Mức 1	Mức 2	Căn cứ/chuẩn mực
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.3. Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định *(tên cơ sở kiểm nghiệm)*, thuộc …….. là cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định đối với các lĩnh vực và phép thử sau khi cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng hoàn thành việc khắc phục toàn bộ các điều không phù hợp nêu trên:

TT	Lĩnh vực	Tên phép thử hoặc loại phép thử	Phương pháp thử	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

[38] Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 03 phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Biên bản này được thông qua với sự đồng ý của ..... thành viên đoàn đánh giá.

4. Ý kiến khác nếu có *(nêu rõ nội dung và tên người có ý kiến khác)*

5. Tài liệu khác kèm theo biên bản gồm: ……

Đại diện cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**Thư ký đoàn đánh giá** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*	**Trưởng đoàn đánh giá** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Mẫu số 01[39]

PHỤ LỤC VI

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Thay thế cho Phụ lục VI Thông tư số 40/2013/TT-BCT)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHỈ ĐỊNH ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: …../QĐ-	*……, ngày …. tháng …. năm …*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ ….(1);

Theo đề nghị của ….(2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định …… *(tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng)*, địa chỉ …… được chỉ định kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu kỹ thuật được chỉ định kèm theo Quyết định này.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng: …..

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. (Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng) …….. có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm kiểm chứng phục vụ quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 1; - Bộ Công Thương (để b/c); - Tổ chức liên quan (để b/c); - Tổ chức liên quan (để biết); - Lưu: Cơ quan có thẩm quyền chỉ định.	**Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền chỉ định** *(Ký tên, đóng dấu)*

[39] Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT được thay thế bởi Mẫu số 01 phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

(1): Tên văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

(2): Cơ quan tiếp nhận, thẩm định.

DANH MỤC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng số …… ngày... tháng.... năm …… của .....)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
…	……	……..	……

PHỤ LỤC VII

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng …. năm …

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM KIỂM CHỨNG

1. Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được đánh giá:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Phạm vi đề nghị chỉ định: Các lĩnh vực và phép thử đề nghị chỉ định trong đơn đăng ký và hồ sơ kèm theo.

3. Đoàn đánh giá hoặc thành viên đoàn đánh giá: *(ghi rõ họ, tên)*

4. Thời gian đánh giá

5. Các căn cứ để đánh giá

- Hệ thống quản lý chất lượng cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng;

- Các quy trình kỹ thuật của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng;

- Tiêu chuẩn, quy định yêu cầu về năng lực cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

6. Nội dung đánh giá:

- TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc các tiêu chuẩn tương đương khác;

- Sự tuân thủ và phù hợp của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng theo Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP[40] (các điểm không phù hợp của cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng).

7. Kết quả đánh giá

Kết luận về từng nội dung đánh giá (có hồ sơ, biên bản đánh giá kèm theo).

8. Kết luận và kiến nghị của trưởng đoàn đánh giá

- Đạt:

- Không đạt:

- Chờ hoàn thiện:

---

[40] Cụm từ "quy định tại Điều 5" được thay thế bởi thành "Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2017.

9. Ý kiến khác (nếu có):

……

……

Trưởng đoàn đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC VIII

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng …. năm …

BÁO CÁO

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được giám sát:

Mã số: Phạm vi được chỉ định:

Họ và tên các cán bộ giám sát:

1. Nội dung giám sát

……

……

……

……

II. Các điểm không phù hợp

……

……

……

……

III. Thời hạn báo cáo kết quả khắc phục các điểm không phù hợp

……

……

……

……

Trưởng đoàn giám sát
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[41];
- Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được giám sát.

[41] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC IX

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng …. năm …

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[42]

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

1 .Tên cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng được giám sát:

2. Mã số chỉ định:

3. Điểm không phù hợp: Mức độ:

4. Nguyên nhân:

5. Biện pháp khắc phục:

6. Những thay đổi kèm theo để hoàn chỉnh hệ thống quản lý (nếu có):

Thủ trưởng đơn vị	**Người báo cáo**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

7. Ý kiến thẩm định của Trưởng đoàn giám sát

……

……

8. Kết luận của Trưởng đoàn giám sát

……

……

……, ngày … tháng … năm …

Thư ký đoàn giám sát	**Trưởng đoàn giám sát**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[42] Cụm từ "Bộ Công Thương" được thay thế bởi cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.